TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92**/2019/DS-PT
Ngày: 15-7-2019
V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất rừng và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD đất*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Liêm**
Các Thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn**
Ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hải An**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Ngọc Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/TBTL-TA ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất rừng và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSD đất*". Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát tỉnh Quảng Bình và kháng cáo của bị đơn đối với Bản án sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 618/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn Đ1, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Xuân H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Cụm 6, TDP 7, phường N1, thành phố Đ2, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1951 và bà Trần Thị L1, sinh năm 1956; Đều trú tại: Thôn H1, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Vũ Ngọc Th - Đoàn luật sư tỉnh Bình Dương; có mặt.

** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:*

- UBND huyện T, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Nam G, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Duy P, sinh năm 1966 - Phó phòng Tài nguyên Môi trường huyện T, theo giấy ủy quyền ngày 08/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện T, có mặt.

- UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Kim T1, sinh năm 1976, chức vụ: Chủ tịch UBND xã N, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Năm 2002, gia đình bà L được Hội đồng tư vấn đất đai xã T2, huyện T giao cho 02 lô đất lâm nghiệp để trồng rừng và bảo vệ rừng tổng diện tích 107.000m^2 tại đồi TC, xã N, được UBND huyện T ra Quyết định số 441/2002/QĐ-UBND ngày 22/08/2002, và cấp Giấy chứng nhận QSD đất số S593982 ngày 05/8/2002 đối với diện tích thửa đất trên cho bà L, trong đó bao gồm thửa 03 (49) tờ bản đồ số 111 với diện tích 87.000m^2 được cấp với mục đích bảo vệ rừng và thửa số 01 (02b) tờ bản đồ số 112 với diện tích 20.000m^2 được cấp với mục đích trồng rừng, địa chỉ tại đồi TC, xã N, có tứ cạnh thửa đất:

- Phía Đông đến đỉnh đồi (Giáp thửa đất ông Lâm đang trồng keo);
- Phía Tây giáp thửa đất của ông Trần Hữu N2;
- Phía Nam giáp thửa đất trồng rừng của ông Trần Danh T3;
- Phía Bắc giáp thửa đất của ông Hoàng Ngọc T4.

Tháng 10 năm 2006, theo chủ trương của Nhà nước về phát triển trồng rừng do dự án ADB hỗ trợ, lợi dụng lúc gia đình bà L đang tiến hành phát cây dại trên phần đất phía Nam, chưa kịp phát phần đất phía Tây thì ông Nguyễn Văn C1 con trai của ông Nguyễn Đình C, bà Trần Thị L1 phát lấn chiếm gần ½

diện tích đất trồng rừng của gia đình bà L. Bà L đã làm đơn khiếu nại nhiều lần nhưng không được giải quyết triệt để, năm 2012 UBND huyện T tuyên bố gia đình ông C, bà L1 được cấp Giấy chứng nhận QSD đất số: AO 318497 ngày 12/12/2008 đối với phần đất đã lấn chiếm của bà L.

Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án: Tuyên buộc gia đình ông Nguyễn Đình C, bà Trần Thị L1 trả lại diện tích khoảng 6000m^2 đất đã lấn chiếm của bà L đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận vào năm 2002, và tuyên hủy Giấy CNQSD đất số AO318497 ngày 12/12/2008 của UBND huyện T đối với thửa 467, tờ bản đồ số 16, diện tích 6.437m^2 cấp cho ông Nguyễn Đình C và bà Trần Thị L1 do đã cấp chồng lên ½ diện tích đất đã cấp cho bà L.

Ông Vũ Xuân H, người được bà L ủy quyền trình bày: Thửa đất 467 của ông Nguyễn Đình C được UBND huyện T cấp năm 2008, tuy nhiên trước khi cấp đổi hộ ông Nguyễn Đình C không có đất tại khu vực đồi TC, 03 thửa đất của ông Nguyễn Đình C trước khi cấp đổi thành các thửa 467, 268 có tứ cạnh không tiếp giáp với thửa đất của bà Nguyễn Thị L nhưng khi cấp đổi lại thì lại tiếp giáp với thửa đất của bà L. Quy trình cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa 467 cho ông C, bà L1 không thống nhất, Biên bản xác định mốc giới ranh giới liền kề ngày 14/8/2007 là có trước đơn xin cấp đổi GCNQSD đất ngày 18/4/2008. Biên bản xác định mốc giới, ranh giới liền kề không có chữ ký bà L là giả tạo. Vì các vi phạm trong trình tự thủ tục cấp đất cho ông Nguyễn Đình C, bà Trần Thị L1 đối với thửa số 467 tờ bản đồ số 16 tại đồi TC, xã N nên đề nghị Tòa án hủy Giấy CNQSD đất số AO 318497 ngày 12/12/2008 của UBND huyện T.

Ông Nguyễn Đình C, bà Trần Thị L1 trình bày tại bản tự khai, buổi hòa giải và tại phiên tòa như sau:

Ngày 20/6/2004 ông Nguyễn Đình C, bà Trần Thị L1 mua lại của ông Trần Danh T3 một phần diện tích đất trồng rừng, ông T3 và ông Trần Đình Lê (bố đẻ ông T3) đã giao đất và chỉ mốc giới cho ông C với diện tích 6.380m^2, theo đo đạc bản đồ địa chính là 6.437m^2. Năm 2006, hộ ông C thực hiện trồng rừng theo dự án ADB, trước khi trồng rừng được UBND xã N họp triển khai và được khôi phục chỉ lại mốc giới đất rừng để tiến hành xử lý thực bì trồng rừng theo quy hoạch. Năm 2008, có chủ trương cấp đổi lại Giấy CNQSD đất theo đúng hiện trạng thực tế mà các gia đình sử dụng ổn định theo dự án đo đạc bản

đồ địa chính đất lâm nghiệp. Thửa đất của ông Trần Danh T3 với diện tích 29.000m^2 được đo đạc tách ra thành 02 thửa gồm thửa số 467 diện tích 6.437m^2 được cấp Giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Thị L, và thửa số 466 diện tích 16.366m^2 được cấp Giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông Trần Danh T3, tổng diện tích của 02 thửa là 22.803m^2, so với năm 2002 là giảm 6.197m^2. Việc đất rừng của bà L bị giảm sút diện tích là vấn đề chung của các hộ gia đình có đất rừng trên địa bàn xã N, là do trước đây vào năm 2002 giao đất rừng thực hiện trên bản đồ đo vẽ tính toán bằng thủ công nên diện tích không chính xác. Bà L khởi kiện yêu cầu ông C, bà L1 trả lại diện tích 6000m^2 đất trồng rừng và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đã cấp cho ông C, bà L1 là không có cơ sở.

Ông Hồ Duy P, đại diện theo ủy quyền của UBND huyện T trình bày: Thực hiện việc giao đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình theo Nghị định 163/CP của Chính phủ, được sự hỗ trợ của dự án an toàn lương thực tỉnh Quảng Bình, ngày 02/6/2002 UBND xã T2 căn cứ hồ sơ và bản đồ đo đạc lập hồ sơ danh sách đăng ký, danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện đã được Hội đồng đăng ký đất đai xã xét giao đất và cấp Giấy chứng nhận QSD đất lâm nghiệp. Ngày 29/6/2002 UBND xã T2 có biên bản kết thúc công khai các trường hợp đủ điều kiện giao đất , không có đơn thư khiếu nại. Ngày 10/9/2002 Phòng địa chính huyện T và Phòng đăng ký thống kê Sở địa chính lập biên bản kiểm tra, nghiệm thu hồ sơ đăng ký cấp Giấy CNQSD đất lâm nghiệp. Trên cơ sở đó và theo đề nghị của UBND xã, ngày 22/8/2002 UBND huyện đã ban hành Quyết định giao đất, cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho các hộ gia đình và các cá nhân ở xã T2, trong đó có gia đình ông Trần Danh T3 được cấp thửa đất số 01 (02c) tờ bản đồ số 112 với diện tích 29.000m^2. Hộ gia đình bà Nguyễn Thị L được cấp thửa số 01 (02b) tờ bản đồ số 112 với diện tích 20.000m^2. Việc cấp đất và Giấy chứng nhận QSD đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình như trên được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998.

Ngày 20/6/2004 hộ gia đình ông Trần Danh T3 chuyển nhượng cho hộ ông Nguyễn Đình C và bà Trần Thị L1 với diện tích: 6.380m^2.

Ngày 14/4/2008 ông Trần Danh T3 làm đơn xin cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất theo dự án đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất ở xã N. Ngày 18/4/2008 hộ gia đình ông Nguyễn Đình C đã làm đơn

xin cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất, hộ gia đình bà L không làm đơn xin cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất.

Từ ngày 01/6/2008 đến ngày 15/6/2008 UBND xã thông báo công khai danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp đổi giấy CNQSD đất, lập biên bản kết thúc công khai, biên bản xác định mốc giới, ranh giới và các thủ tục khác theo đúng quy định pháp luật. Trên cơ sở này, ngày 12/12/2008 UBND huyện T cấp đổi lại Giấy CNQSD đất cho hộ ông Trần Danh T3 đối với thửa đất số 466 tờ bản đồ số 16, diện tích 16.366m^2. Cấp cho hộ ông Nguyễn Đình C, Trần Thị L1 đối với thửa đất số 467 tờ bản đồ số 16 diện tích 6.437m^2. Việc cấp đổi lại Giấy chứng nhận QSD đất cho các hộ gia đình nói trên được thực hiện đúng quy định tại Nghị định 181/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và Nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Thông tư số 08/2007/TT-BTNMT ngày 02/8/2007.

Tại Bản án sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Áp dụng Điều 36, Điều 127 Luật đất đai năm 2003, Điều 34 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 697, Điều 698 Bộ luật Dân sự 2005. Nghị quyết 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, án phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Hủy Giấy chứng nhận QSDĐ số: A0318497 mà UBND huyện T đã cấp cho ông Nguyễn Đình C, bà Trần Thị L1 ngày 12/12/2008 tại thửa đất số: 467, tờ bản đồ 16, diện tích: 6437m^2 có địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T. Buộc ông C trả lại cho bà Nguyễn Thị L toàn bộ diện tích đất 6437m^2.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 07-3-2019, bị đơn ông Nguyễn Đình C, bà Trần Thị L1 có đơn kháng cáo với nội dung: kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 08-3-2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 385/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L do ông Vũ Xuân H đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Nguyễn Đình C, bà Trần Thị L1 do ông Nguyễn Văn C1 đại diện theo ủy quyền giữ

nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông Nguyễn Văn C1 cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đánh giá đầy đủ toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn và giao toàn bộ 6.437m2 đất rừng cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L là không đúng, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi chính đáng của bị đơn. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn còn đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị phúc thẩm số 385/QĐKNPT-VKS-DS ngày 08-3-2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình hủy bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 22-02-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về phần thủ tục tố tụng: Sau khi xử sơ thẩm, ngày 11-3-2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện T, tỉnh Quảng Bình có đơn kháng cáo với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành cắm mốc ranh giới mà cho rằng đất của ông Nguyễn Đình C, bà Trần Thị L1 cấp chồng lên đất của bà Nguyễn Thị L là không có cơ sở. Việc kháng cáo của UBND huyện T là quá thời hạn pháp luật quy định. Ngày 12-3-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã gửi Thông báo số 246/TB-TA cho UBND huyện T yêu cầu trình bày lý do kháng cáo quá hạn nhưng UBND huyện T không thực hiện thì coi như từ bỏ việc kháng cáo của mình.

[2]. Về phần nội dung: Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08-10-2008 thì hiện trạng sử dụng đất của bà Nguyễn Thị L là 8.519,5m^2; hiện trạng sử dụng đất của ông Nguyễn Đình C, bà Trần Thị L1 là 16.919m^2. Mốc giới do bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn C1 (con ông C, bà L1) chỉ để đo đạc. Không thể hiện mốc giới đất đang tranh chấp. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L không nhất trí với cách thẩm định tại chỗ này. Theo biên bản thẩm định tại

chỗ ngày 22-8-2017 thì trên diện tích đất hiện đang có tranh chấp hộ ông Nguyễn Đình C đang sử dụng trồng cây keo tràm và theo biên bản định giá cùng ngày 22-8-2017 thì diện tích trồng keo tràm có tổng giá trị là 0,6463ha x 19.700.000/ha = 12.732.100 đồng. Theo trích lục bản đồ ngày 14-8-2007 thì thửa đất đang tranh chấp số 467 có diện tích 6.437m^2 nhưng theo sơ đồ thửa đất tranh chấp số 467 được vẽ ngày 22-8-2017 có diện tích 6.463m^2.

Như vậy, bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Đình C trả lại cho bà Nguyễn Thị L toàn bộ diện tích đất 6.437m^2 mà không giải quyết tài sản của ông C nằm trên diện tích đất đó là chưa giải quyết triệt để vụ án và không thể thi hành án được. Đồng thời cần xác định rõ mốc giới đất đang tranh chấp để xác định diện tích đất đang tranh chấp cho chính xác. Cần đưa ông Trần Danh T3 là người chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông C, bà L1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ việc chuyển nhượng đất.

Những thiếu sót trên của Tòa án cấp sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung được nên chấp nhận Kháng nghị phúc thẩm số 385/QĐKNPT-VKS-DS ngày 08-3-2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cũng như quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 22-02-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Do bản án sơ thẩm bị hủy nên nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đình C, bà Trần Thị L1 Hội đồng xét xử chưa xem xét. Trả lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo cho ông Nguyễn Đình C, bà Trần Thị L1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 BLTTDS;

1. Chấp nhận Kháng nghị phúc thẩm số 385/QĐKNPT-VKS-DS ngày 08-03-2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 22-02-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Đình C, bà Trần Thị L1 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005158 ngày 07-03-2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm